

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT  
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 06/2025/DS-ST  
Ngày: 26 - 02 -2025  
V/v Tranh chấp hợp đồng tín  
dụng

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hương Trang

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Mai Lương Anh

Đỗ Thị Thu Hương

**Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thanh Quang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nguyệt - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 02 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 296/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2024/QĐXX-ST ngày 17 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐ-ST ngày 08/01/2025; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 07/2025/QĐST-DS ngày 15/01/2025 và Thông báo mở lại phiên tòa số 32/TB-TA ngày 17/02/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ(B địa chỉ: T, A, phường L, quận H, Thành phố Hà Nội

Đại diện theo ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng TMCP Đ, tỉnh Lâm Đồng; trụ sở: Số B Khu H, Phường A, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. (*Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 3828/QĐ-BIDV ngày 01/7/2024*)

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 1169/QĐ-BIDV.ĐAL ngày 09/10/2024 của Ngân hàng TMCP Đ, tỉnh Lâm Đồng:

- Ông Vũ Q D Chức vụ: Giám đốc P

- Bà Nông Thị H vụ: Phó Giám đốc P

- Bà Nguyễn Thị Tô L vụ: Phó Giám đốc P

2. Bị đơn: Chị La Ngọc Hồng T năm 1999; địa chỉ: Số F, Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông La Q1 T1 sinh năm 1976; địa chỉ: Số F, Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- Ông Đỗ Hữu V năm 1970; địa chỉ: F C, Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.
- Bà Vương A T2 sinh năm 1994; địa chỉ: Số D T, Phường C, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng
- Ông Nguyễn Hoàng H1 sinh năm 1999; địa chỉ: B H, Phường E, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

*(Bà LTT1VT2H1 có đơn xin vắng mặt)*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2024 và lời trình bày tại phiên tòa của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:*

Giữa Ngân hàng TMCP Đ, tỉnh Lâm Đồng (*sau đây viết là Ngân hàng B*) và chị La Ngọc Hồng T1 ký kết Hợp đồng tín dụng số 01/2023/21478150/HĐTD ngày 29/8/2023, mục đích vay: Sản xuất nông nghiệp, thời hạn vay: 11 tháng, lãi suất cho vay 9%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi trong hạn; lãi chậm trả trên lãi quá hạn là 10%.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Ngân hàng có ký kết với ông La Quang T2 (cha của chị La Ngọc H1) Hợp đồng thế chấp số 01/2023/21478150/HĐBĐ ngày 29/8/2023 đối với quyền sử dụng đất tại thửa 73, 74; tờ bản đồ số 25, tại Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 308560 do Sở T19 cấp ngày 09/12/2015 đứng tên ông La Quang T2

Quá trình thực hiện hợp đồng, chị La Ngọc Hồng T3 vi phạm nghĩa vụ khi không trả tiền gốc và lãi theo quy định. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở về việc trả nợ trễ hạn nhưng chị La Ngọc Hồng T4 hợp tác và chưa thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện và yêu cầu chị La Ngọc Hồng T5 trả tổng số tiền tạm tính đến ngày 25/02/2025 là 973.251.224 đồng, trong đó số tiền gốc: 899.804.751 đồng; lãi trong hạn: 48.589.842 đồng; lãi quá hạn 24.856.631 đồng

Buộc chị La Ngọc Hồng T1 trách nhiệm tiếp tục trả cho Ngân hàng B tiền lãi phát sinh từ ngày 26/02/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2023/21478150/HĐTD ngày 29/8/2023 giữa Ngân hàng B và chị La Ngọc H1 T

Trường hợp chị La Ngọc Hồng T4 thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B thì Ngân hàng B được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp số 01/2023/21478150/HĐBĐ ngày 29/8/2023 để thu hồi nợ. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả hết nợ thì chị La Ngọc Hồng T5 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng B đến khi hết nợ.

Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ hết 700.000 đồng. Ngân hàng đã tạm ứng, đề nghị bị đơn có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng.

*Tại bản tự khai ngày 29/10/2024, bị đơn chị La Ngọc Hồng T6 bày:* Thừa nhận việc bị đơn có ký kết hợp đồng tín dụng như đại diện ngân hàng Btrình bày là đúng. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng thì ngân hàng B đã giải ngân cho chị vay số tiền 900.000.000 đồng. Hiện nay gia đình đang khó khăn nên chưa trả nợ được cho ngân hàng. Nay qua yêu cầu khởi kiện của ngân hàng B1 bị đơn thống nhất theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng.

*Tại bản tự khai ngày 29/10/2024 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông La Q1 T1trình bày:* Ông là chủ sử dụng quyền sử dụng đất tại thửa 73, 74; tờ bản đồ số 25, tại Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồngtheo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 308560 do Sở T19 cấp ngày 09/12/2015. Ông thừa nhận có thể chấp tài sản này cho Ngân hàng B2 đảm bảo nghĩa vụ cho chị La Ngọc Hồng T7 Hợp đồng thế chấp số 01/2023/21478150/HĐBĐ ngày 29/8/2023. Nay Ngân hàng khởi kiện thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và xin cho thời hạn đến ngày 29/11/2024 sẽ trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân hàng.

*Tại biên bản làm việc ngày 06/12/2024 và đơn xin vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hữu V1 bày:* Hiện nay diện tích đất tại thửa 73, 74; tờ bản đồ số 25, tại Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồngmà các bên đang tranh chấp đang do ông Vquản L1, sử dụng. Ông đã nhận chuyển nhượng của ông La Q1 T1vào ngày 04/5/2011 với giá 13.000.000 đồng theo giấy viết tay ông đã nộp cho Tòa. Giấy này không được chứng thực hoặc công chứng tại cơ quan có thẩm quyền. Ngày 15/11/2024 khi Tòa án thực hiện việc xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản tranh chấp thì ông mới biết ông La Q1 T1đã sử dụng đất này để đảm bảo cho khoản vay của chị La Ngọc Hồng T8(con gái ông T9 không có yêu cầu hoặc ý kiến gì trong vụ án này. Ông sẽ làm việc riêng với ông La Quang T10 hợp giữa ông và ông La Q1 T1có tranh chấp thì ông sẽ khởi kiện bằng vụ án khác. Ông đề nghị được vắng mặt tại phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử của Tòa án.

*Tại bản tự khai ngày 14/02/2025, bà Vương A T2 là người liên quan và là đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng H2 bày:* Vào ngày 29/8/2023 ông La Q1 T1có mượn bà số tiền 900.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng BSau đó, ngày 30/8/2023 tài khoản của N em trai bà có nhận số tiền 900.000.000 đồng do La Ngọc H1 Tlà con gái ông La Q1 T1chuyển vào. Bà xác nhận đã nhận đủ tiền ông T1trả. Hiện nay quan hệ vay mượn tiền giữa bà và ông T1đã kết thúc. Bà đã hoàn trả giấy nợ do ông T1ghi cho bà vào ngày 30/8/2023. Về tranh chấp giữa ngân hàng Bvà gia đình ông La Q1 T1thì bà và ông H4 không có ý kiến gì. Đề nghị cho ông bà được vắng mặt tại phiên xét xử của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị đơn chị La Ngọc Hồng T8, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông La Q1 T1 vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Hữu Vbà Vương A T2 ông Nguyễn Hoàng H1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nguyên đơn ngân hàng Btrình bày: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, các đương sự và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả số tiền gốc 899.804.751 đồng và tiền lãi trong hạn là 48.589.842 đồng, lãi quá hạn là 24.856.631 đồng tính đến ngày 25/02/2025 cho nguyên đơn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2023/21478150/HĐTD ngày 29/8/2023.

- Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp số 01/2023/21478150/HĐBĐ ngày 29/8/2023 đối với quyền sử dụng tại thửa 73, 74; tờ bản đồ số 25, tại Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 308560 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L ngày 09/12/2015 đứng tên ông La Quang T11 đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của bị đơn bà La Ngọc H1 T

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 09/10/2024 nguyên đơn Ngân hàng B3 có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với bị đơn chị La Ngọc H1 T. Chị T1 nơi cư trú tại Số F, Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 06/12/2024, đã triệu tập họp lệ ông La Q1 T1 tham gia phiên họp nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn ngân hàng B4 đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Riêng phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt ông T1 theo thủ tục chung, sau đó đã thông báo kết quả cho ông T1 được biết.

Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Đối với yêu cầu trả nợ gốc và lãi của nguyên đơn:

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị T12 nhận có ký hợp đồng tín dụng số 01/2023/21478150/HĐTD ngày 29/8/2023 và đồng ý trả nợ (BL69). Tuy nhiên, tại phiên tòa ngày 15/01/2025, chị T13 rằng không nhận được số tiền 900.000.000 đồng giải ngân từ ngân hàng; không biết ông Nguyễn Hoàng H3 ai và không thừa nhận chữ ký, chữ viết của mình tại bảng kê rút vốn (BL06) và ủy nhiệm chi số tiền trên chuyển qua tài khoản của Nguyễn Hoàng H4(BL32). Đồng thời, chị T1 yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của mình tại các tài liệu trên. Tòa án đã ra Thông báo nộp tạm ứng chi phí giám định, tuy nhiên hết thời hạn theo quy định nhưng chị T4 nộp. Ngoài lời trình bày trên thì chị T4 cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho việc không ký vào các chứng từ của Ngân hàng.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn được ký kết trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên các đương sự cùng có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng. Theo đại diện nguyên đơn, từ khi vay đến nay chị T4 thanh toán tiền gốc và tiền lãi lần nào, hiện còn nợ số tiền tính đến ngày 25/02/2025 là 973.251.224 đồng, trong đó số tiền gốc: 899.804.751 đồng; lãi trong hạn: 48.589.842 đồng; lãi quá hạn 24.856.631 đồng. Do chị T3 vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký nên nguyên đơn yêu cầu thanh toán toàn bộ số nợ là đúng quy định.

[2.2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ của nguyên đơn, thấy rằng:

Để đảm bảo khoản vay, ông La Q1 T1 là cha ruột của chị La Ngọc Hồng T1 thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất tại thửa 73, 74; tờ bản đồ số 25, tại Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 308560 do Sở T19 cấp ngày 09/12/2015 đứng tên ông La Q1 T1 theo Hợp đồng thế chấp số 01/2023/21478150/HĐBĐ ngày 29/8/2023. Việc các bên xác lập hợp đồng thế chấp trên tinh thần tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, do chị T14 phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp là hoàn toàn phù hợp.

[2.3] Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm 26/02/2025 cho đến ngày tất toán nợ theo hợp đồng tín dụng. Xét thấy: Yêu cầu của nguyên đơn phù hợp theo Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và được công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận.

[3] Các vấn đề khác:

Qua làm việc với bà Vương A T2 và ông Nguyễn Hoàng H5 xác định giữa bà T2 ông H1 và ông La Q1 T1 chị La Ngọc Hồng T1 quan hệ vay mượn tiền và chuyển tiền. Quá trình giải quyết vụ án, bà T2 ông H1 trình bày số tiền 900.000.000

được chị T15 vào tài khoản của ông H1 là để trả cho khoản tiền vay đáo hạn mà ông T1 vay của bà T16 nay các bên không còn nợ nần gì nữa. Đối với tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn thì bà T2 ông H1 không có ý kiến và yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Ông Đỗ Hữu V2 đang quản lý, sử dụng thửa đất 73, 74; tờ bản đồ số 25, tại Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng. Ông V3 có ý kiến hoặc yêu cầu gì đối với tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Trường hợp các bên có tranh chấp thì được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Lạt tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Về chi phí tố tụng: Theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự thì bị đơn phải chịu số tiền 700.000 đồng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn đã ứng chi nên buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền trên.

[6] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 227; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 385; Điều 401; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Án lệ số 08/2016/AL của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 17/10/2016.

Căn cứ Điều 4, Điều 91, Điều 95 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (Đối với bị đơn chị La Ngọc Hồng T17 việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”).

1.1. Buộc chị La Ngọc H1 T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng TMCP Đ (Btoàn bộ số tiền tính đến ngày 25/02/2025 là 973.251.224 đồng, trong đó số tiền gốc: 899.804.751 đồng; lãi trong hạn: 48.589.842 đồng; lãi quá hạn 24.856.631 đồng.

Kể từ ngày 26/02/2025, chị La Ngọc H1 T còn phải tiếp tục trả cho Ngân hàng TMCP Đ (B tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất các

bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 01/2023/21478150/HĐTD ngày 29/8/2023 giữa Ngân hàng TMCP Đ(B và chị La Ngọc H1 T.

1.2. Trường hợp chị La Ngọc H1 T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ(B thì Ngân hàng được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 01/2023/21478150/HĐBĐ ngày 29/8/2023 giữa Ngân hàng TMCP Đ(B và ông La Quang T2. Tài sản bảo đảm cụ thể như sau: Bất động sản theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 308560 do Sở T19 cấp ngày 09/12/2015 đứng tên ông La Quang T2.

1.3. Trường hợp số tiền phát mãi tài sản bảo đảm không đủ trả hết nợ thì chị La Ngọc Hồng T5 có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ(B cho đến khi hết nợ.

1.4. Sau khi chị La Ngọc Hồng T18 tắt nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ(B có trách nhiệm trả lại cho ông La Q1 T1 bản chính giấy tờ sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 308560 do Sở T19 cấp ngày 09/12/2015 đứng tên ông La Quang T2.

2. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc chị La Ngọc Hồng T18 trả số tiền 700.000 đồng cho Ngân hàng TMCP Đ(B

3. Về án phí:

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ(B số tiền 19.871.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001230 ngày 10/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Lạt.

Buộc chị La Ngọc Hồng T5 chịu 41.197.537 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND thành phố Đà Lạt;
- Chi cục THADS thành phố Đà Lạt;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử TANDTC;
- Lưu hồ sơ vụ án; bộ phận lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Hương Trang**